TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22 -8-2018
V/v: " Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huynh.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng .

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Võ Quốc Hoàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 503/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 về việc: "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Xóm 3, thôn H, xã T, huyện TN, tỉnh Nam Định.
-***Bị đơn***: Anh Nguyễn Đức Tr, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Số 411, tổ 3, ấp A, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
(Anh Tr có mặt, chị T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 7 năm 2018 và tại bản tự khai ngày 9 tháng 7 năm 2018 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày :

Chị và anh Nguyễn Đức Tr có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai vào năm 2010, quá trình sống chung không hạnh phúc do không hợp nhau và không còn tình cảm với nhau nữa nên chị yêu cầu được ly hôn anh Tr.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 21/3/2011. Hiện cháu đang sống với chị, nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu K, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Tại bản tự khai ngày 17 tháng 7 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Đức Tr trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L. Từ tháng 5/2012 chị T mang theo cháu K bỏ nhà đi cho đến nay, vợ chồng không bàn bạc tụ được, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý thuận tình ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung như chị T khai là đúng. Anh đồng ý để chị T nuôi con, anh không cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị T và anh Tr chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, chị T xin ly hôn, anh Tr đồng ý, cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Con chung: Chị T và anh Tr có 01 con chung, anh Tr đồng ý để chị T nuôi con nên giao cháu K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị T nuôi con, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nên không xét.

Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Tr xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 11/10/2010) nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị T xin ly hôn, anh Tr đồng ý, cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, chứng tỏ mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014, xử cho chị T được ly hôn anh Tr.

[3] Về con chung: Chị T và anh Tr có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 21/3/2011.

Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K, anh Tr đồng ý để chị T nuôi con. Cháu K đã trên 7 tuổi, qua tham khảo ý kiến của cháu K có nguyện vọng được sống với chị T, vì vậy giao cháu K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị T nuôi con không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nên không xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 8,9 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Đức Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 21/3/2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Nguyễn Đức Tr không phải cấp dưỡng nuôi con .

Anh Nguyễn Đức Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

3. Tài sản chung, nợ chung : Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 002464 ngày 04/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Anh Nguyễn Đức Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :
-TAND T. Đồng Nai.
-VKSND H. LT.
-THA H. LT.
-Các đương sự.
-UBND xã C, H. LT, Tỉnh Đồng Nai.
-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Liên